



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 07 năm 2008.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

**Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 40% vốn điều lệ.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 15 Nguyễn Chí Thanh - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511.3827374
- Fax: 0511.3889957

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất kinh doanh: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc;
- Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 34 người, trong đó nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                         |          |                          |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Bá Văn      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Phạm Thanh Nam    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 18/06/2007 |

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Ban Kiểm soát**

- |                      |            |                          |
|----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Phạm Tiến Dũng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01/10/2008 |
| • Ông Lê Quang Tiến  | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Trần Công Hội  | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                         |                |                              |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Hồ Văn Linh       | Giám đốc       | Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2010 |
| • Bà Trần Thị Kim Hương | Phó Giám đốc   | Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2010 |
| • Ông Trần Phước Chương | Phó Giám đốc   | Tái bổ nhiệm ngày 15/07/2010 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2010 |

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### **Thay mặt Ban Giám đốc Giám đốc**

**Hồ Văn Linh**

*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011*



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính  
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1041/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2011

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 25/07/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

---

**Phan Xuân Vạn**  
Tổng Giám đốc

*Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV*

---

**Ngô Thị Kim Anh**  
Kiểm toán viên

*Chứng chỉ KTV số 1100/KTV*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>64.079.595.408</b>	<b>52.769.074.255</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.146.620.081</b>	<b>4.918.776.192</b>
1. Tiền	111		2.146.620.081	918.776.192
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>217.250.000</b>	<b>308.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		748.995.000	748.995.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(531.745.000)	(440.995.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.849.479.755</b>	<b>19.230.174.986</b>
1. Phải thu khách hàng	131		37.558.584.189	10.242.027.855
2. Trả trước cho người bán	132		176.660.921	8.971.527.055
3. Các khoản phải thu khác	135		19.772.978	16.620.076
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(905.538.333)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.659.848.937</b>	<b>25.880.246.050</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	26.117.747.932	30.383.989.921
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.457.898.995)	(4.503.743.871)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.206.396.635</b>	<b>2.431.877.027</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.541.416.362	1.578.588.160
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		219.095.309	447.630.699
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	445.884.964	405.658.168
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.905.082.290</b>	<b>21.348.135.712</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.792.351.656</b>	<b>8.733.683.120</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.212.126.136	1.398.418.900
- Nguyên giá	222		6.158.697.865	2.072.558.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(946.571.729)	(674.139.789)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.580.225.520	4.580.225.520
- Nguyên giá	228		4.580.225.520	4.580.225.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.755.038.700
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>11.011.235.000</b>	<b>11.478.355.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.350.000.000	6.350.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(788.265.000)	(321.145.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.101.495.634</b>	<b>1.136.097.592</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.101.495.634	1.136.097.592
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.984.677.698</b>	<b>74.117.209.967</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.787.419.524</b>	<b>23.422.137.887</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.787.419.524</b>	<b>23.422.137.887</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	7.482.127.674	8.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		16.866.764.723	8.544.300.386
3. Người mua trả tiền trước	313		139.872.300	939.565.925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.027.497.008	712.357.704
5. Phải trả người lao động	315		1.441.613.545	400.265.446
6. Chi phí phải trả	316		23.747.300	30.087.200
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	237.269.378	3.940.380.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		568.527.596	455.181.226
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.197.258.174</b>	<b>50.695.072.080</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>57.197.258.174</b>	<b>50.695.072.080</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	17	(842.802.865)	(842.802.865)
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	1.777.149.331	1.415.916.770
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	6.262.911.708	121.958.175
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.984.677.698</b>	<b>74.117.209.967</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Lĩnh

Nguyễn Quang Dũng

Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>59.345.344.281</b>	<b>56.231.004.587</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	1.125.798.858	904.819.557
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	58.219.545.423	55.326.185.030
4. Giá vốn hàng bán	11	19	41.831.584.037	41.310.253.901
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.387.961.386</b>	<b>14.015.931.129</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.298.248.062	461.741.243
7. Chi phí tài chính	22	21	1.984.315.113	658.357.569
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.004.234.708</i>	<i>281.780.376</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.570.755.011	2.072.325.312
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.868.996.704	2.692.780.866
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.262.142.620</b>	<b>9.054.208.625</b>
11. Thu nhập khác	31		-	6.000.000
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>6.000.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>22</b>	<b>9.262.142.620</b>	<b>9.060.208.625</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.037.491.405	2.172.945.888
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>22</b>	<b>7.224.651.215</b>	<b>6.887.262.737</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.468	1.382

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Lĩnh

Nguyễn Quang Dũng

Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	30.385.387.606	32.354.824.734
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(24.004.924.135)	(11.998.783.720)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.518.687.214)	(1.733.850.789)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.004.234.708)	(281.780.376)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(732.783.079)	(1.015.344.127)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	565.785.935	548.053.871
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.575.815.776)	(4.949.046.560)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.114.728.629</b>	<b>12.924.073.033</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.331.100.476)	(1.449.477.527)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.298.248.062	461.741.243
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(32.852.414)</b>	<b>(987.736.284)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(50.175.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.582.127.674	3.688.600.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.500.000.000)	(8.688.600.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.936.160.000)	(3.987.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.854.032.326)</b>	<b>(9.037.375.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.772.156.111)</b>	<b>2.898.961.749</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.918.776.192	4.229.054.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.146.620.081</b>	<b>7.128.016.713</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Lĩnh

Nguyễn Quang Dũng

Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 07 năm 2008.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 40% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất kinh doanh: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc;
- Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty thực hiện khấu hao nhanh, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

### **4.8 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.12 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Giá trị gia tăng:
  - Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - Đối với sản phẩm sách tham khảo và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	77.294.342	9.401.420
Tiền gửi ngân hàng	2.069.325.739	909.374.772
Tiền gửi có kỳ hạn (dưới 3 tháng)	-	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.146.620.081</b>	<b>4.918.776.192</b>

## 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		748.995.000		748.995.000
+ Công ty CP Sách TBTH TP.Hồ Chí Minh	27.500	748.995.000	27.500	748.995.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(531.745.000)		(440.995.000)
<b>Cộng</b>		<b>217.250.000</b>		<b>308.000.000</b>

Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán STC) tại ngày 30/06/2011 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Hàng tồn kho

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.744.473.428	1.487.830.882
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.558.884.812	13.432.565.042
Thành phẩm	18.294.558.017	11.917.963.015
Hàng hóa	519.831.675	3.545.630.982
<b>Cộng</b>	<b>26.117.747.932</b>	<b>30.383.989.921</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.541.416.362	1.578.588.160
<b>Cộng</b>	<b>1.541.416.362</b>	<b>1.578.588.160</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	445.884.964	405.658.168
<b>Cộng</b>	<b>445.884.964</b>	<b>405.658.168</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	372.446.364	1.479.359.818	220.752.507	2.072.558.689
Đ/tư XDCB h/thành	4.086.139.176	-	-	4.086.139.176
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.458.585.540</b>	<b>1.479.359.818</b>	<b>220.752.507</b>	<b>6.158.697.865</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	158.427.953	355.548.079	160.163.757	674.139.789
Khấu hao trong kỳ	137.012.787	123.294.878	12.124.275	272.431.940
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>295.440.740</b>	<b>478.842.957</b>	<b>172.288.032</b>	<b>946.571.729</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	214.018.411	1.123.811.739	60.588.750	1.398.418.900
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.163.144.800</b>	<b>1.000.516.861</b>	<b>48.464.475</b>	<b>5.212.126.136</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 148.007.054 đồng.

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá: 4.580.225.520 đồng tại 247 Hải Phòng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga.

### 12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000		5.449.500.000
+ Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng (i)	220.000	2.530.000.000	220.000	2.530.000.000
+ Công ty CP Sách - TBTH Bình Định (ii)	291.950	2.919.500.000	291.950	2.919.500.000
Đầu tư dài hạn khác (cổ phiếu)		6.350.000.000		6.350.000.000
+ Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Đà Nẵng (i)	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hoá (i)	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
+ Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam (i)	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(788.265.000)		(321.145.000)
<b>Cộng</b>		<b>11.011.235.000</b>		<b>11.478.355.000</b>

(i) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2011. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận của các khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(ii) Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Bình Định (mã chứng khoán BDB). Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 30/06/2011 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	1.101.495.634	1.136.097.592
<b>Cộng</b>	<b>1.101.495.634</b>	<b>1.136.097.592</b>

(\*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

### 14. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	7.482.127.674	8.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.482.127.674</b>	<b>8.400.000.000</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.011.588.065	706.879.739
Thuế thu nhập cá nhân	15.908.943	5.477.965
<b>Cộng</b>	<b>2.027.497.008</b>	<b>712.357.704</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	51.197.130	-
Bảo hiểm xã hội	131.236.248	-
Cổ tức phải trả	-	3.936.160.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.836.000	4.220.000
<b>Cộng</b>	<b>237.269.378</b>	<b>3.940.380.000</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	(152.063.710)	973.679.961	25.692.427	50.847.308.678
Tăng trong năm	-	(690.739.155)	442.236.809	8.847.936.174	8.599.433.828
Giảm trong năm	-	-	-	8.751.670.426	8.751.670.426
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(842.802.865)</b>	<b>1.415.916.770</b>	<b>121.958.175</b>	<b>50.695.072.080</b>
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	(842.802.865)	1.415.916.770	121.958.175	50.695.072.080
Tăng trong kỳ	-	-	361.232.561	7.224.651.215	7.585.883.776
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.083.697.682	1.083.697.682
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(842.802.865)</b>	<b>1.777.149.331</b>	<b>6.262.911.708</b>	<b>57.197.258.174</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn góp của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.202.000.000	29.202.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	798.000.000	798.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	79.800	79.800
- Cổ phiếu thường	79.800	79.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.200	4.920.200
- Cổ phiếu thường	4.920.200	4.920.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### **d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	121.958.175	25.692.427
Lợi nhuận bổ sung (cổ phiếu quỹ không chia cổ tức)	-	3.200.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.224.651.215	8.844.736.174
Phân phối lợi nhuận	1.083.697.682	8.751.670.426
- Trích Quỹ dự phòng tài chính (5%)	361.232.561	442.236.809
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (7%)	505.725.585	619.131.532
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (3%)	216.739.536	265.342.085
- Chia cổ tức	-	7.424.960.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>6.262.911.708</b>	<b>121.958.175</b>

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 175/CV-DEIDCO ngày 20/04/2011.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>59.345.344.281</b>	<b>56.231.004.587</b>
+ Doanh thu sách giáo khoa	42.875.413.178	43.887.790.791
+ Doanh thu sách tham khảo	13.730.233.937	11.970.105.843
+ Doanh thu khác	2.739.697.166	373.107.953
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.125.798.858</b>	<b>904.819.557</b>
+ Hàng bán bị trả lại	1.125.798.858	904.819.557
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>58.219.545.423</b>	<b>55.326.185.030</b>

### 19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn sách giáo khoa	31.202.771.727	33.593.397.295
Giá vốn sách tham khảo	8.157.163.155	7.368.651.066
Giá vốn hoạt động khác	2.471.649.155	348.205.540
<b>Cộng</b>	<b>41.831.584.037</b>	<b>41.310.253.901</b>

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.671.062	82.752.143
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.215.577.000	378.989.100
<b>Cộng</b>	<b>1.298.248.062</b>	<b>461.741.243</b>

### 21. Chi phí tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền vay	1.004.234.708	281.780.376
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	422.210.405	417.827.193
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	557.870.000	(41.250.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.984.315.113</b>	<b>658.357.569</b>

### 22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.262.142.620	9.060.208.625
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.112.177.000)	(368.425.072)
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)</i>	<i>103.400.000</i>	<i>10.564.028</i>
<i>Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)</i>	<i>1.215.577.000</i>	<i>378.989.100</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	8.149.965.620	8.691.783.553
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	2.037.491.405	2.172.945.888
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.224.651.215</b>	<b>6.887.262.737</b>

### 23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.224.651.215	6.887.262.737
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.224.651.215	6.887.262.737
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.920.200	4.984.110
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.468</b>	<b>1.382</b>

### 24. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các nghiệp vụ phát sinh	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2011 VND
<b>Bán hàng</b>		<b>5.645.704.863</b>
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	4.690.494.596
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hoà Phát	Chung công ty đầu tư	206.750.465
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	609.441.902
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	139.017.900
<b>Mua hàng</b>		<b>26.671.499.887</b>
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	16.876.494.140
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hà Nội	Công ty đầu tư	1.979.194.592
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	2.383.562.362
Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Cần Thơ	Công ty đầu tư	1.823.611.074
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hoà Phát	Chung công ty đầu tư	1.334.572.346
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.283.787.359
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	990.278.014

### b. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Mối quan hệ	Nợ phải thu VND	Nợ phải trả VND
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	3.740.243.227	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	655.913.150	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	487.505.362	-
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	279.742.315
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hà Nội	Công ty đầu tư	-	4.127.436.544
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	-	3.886.845.196
Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Cần Thơ	Công ty đầu tư	-	2.169.069.784
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hoà Phát	Chung công ty đầu tư	-	810.447.577
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	1.520.933.328
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	942.216.725
		<b>4.883.661.739</b>	<b>13.736.691.469</b>

### 25. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **26. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Hồ Văn Lĩnh**

**Nguyễn Quang Dũng**

**Lê Ngọc**

*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011*